

**CÔNG TY TNHH BÁCH GIA GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BÁCH GIA GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BACH GIA GROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BACH GIA GROUP COMPANY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110808128

**3. Ngày thành lập:** 08/08/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

P704, Tòa A Licogi 13, 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0325726689

Fax:

Email: [bachgiagroup.vn@gmail.com](mailto:bachgiagroup.vn@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                       | 4652     |
| 2.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                    | 6201     |
| 3.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                      | 6202     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                     | 6209     |
| 5.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư<br>- Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); | 6619     |
| 6.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn kế toán, tư vấn thuế, tư vấn chứng khoán);                                                                                                                               | 7020     |
| 7.  | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                    | 8211     |
| 8.  | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                 | 8219     |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                              | 8230     |
| 10. | Đào tạo sơ cấp<br>Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo trình độ sơ cấp (Điểm c Khoản 2 điều 6 Luật giáo dục 2019)                                                                                                                                     | 8531     |
| 11. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                            | 8551     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8552        |
| 13. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>(Không bao gồm hoạt động của các trường, của các tổ chức Đảng, đoàn thể, tôn giáo) | 8559(Chính) |
| 14. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8560        |
| 15. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4711        |
| 16. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4721        |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4722        |
| 18. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4723        |
| 19. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4742        |
| 20. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4752        |
| 21. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4761        |
| 22. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4773        |
| 23. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4781        |
| 24. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4791        |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại)<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                             | 8299        |
| 26. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7810        |
| 27. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7820        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>(Trừ Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài)                                                                                                                                                                                             | 7830 |
| 29. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)                                                                                                                                                                                                       | 9610 |
| 30. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9631 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị liên lạc<br>Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị liên lạc như:<br>- Điện thoại cố định;<br>- Điện thoại di động;<br>- Modem thiết bị truyền dẫn;<br>- Máy fax;<br>- Thiết bị truyền thông tin liên lạc;<br>- Radio hai chiều;<br>- Tivi thương mại và máy quay video. | 9512 |
| 32. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3314 |
| 33. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                          | 3313 |
| 34. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3312 |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: DƯƠNG PHƯƠNG THẢO

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 14/02/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030189006596

Ngày cấp: 19/01/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P704 Tòa A Licogi 13, 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P704 Tòa A Licogi 13, 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: DƯƠNG PHƯƠNG THẢO

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/02/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030189006596

Ngày cấp: 19/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P704 Tòa A Licogi 13, 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P704 Tòa A Licogi 13, 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội